

Bản án số: 578/2024/DS -ST
Ngày: 19-8-2024
V/v: Tranh chấp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Xuân Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Văn Rồi
- Ông Nguyễn Ngọc Cảnh

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên Tòa.

Trong ngày 19 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 436/2024/TLST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2024 về việc: “Tranh chấp hụi” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 478/2024/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2024 giữa:

* *Nguyên đơn:* Bà Đồng Thị Thuỳ D, sinh năm: 1990;

Địa chỉ: Số X, tỉnh lộ Y, ấp P, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; (có mặt).

* *Bị đơn:* 1/ Bà Lê Thị Kim C, sinh năm 1971; (có mặt);

2/ Ông Trà Văn N, sinh năm 1970; (Có yêu cầu xin vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Số Z, đường C, tổ 06, ấp M, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Trà Thị Kim H, sinh năm 1992; địa chỉ: Số X1, đường C, tổ 06, ấp M, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 21/5/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà D trình bày nội dung yêu cầu khởi kiện như sau: Gia đình bà và bà C, ông N có quan hệ quen biết nhau từ rất lâu nên bà tin tưởng bà C, ông N. Bà C đã lập ra các dây hụi, rủ bà cùng tham gia vào các dây hụi của bà Chi và ghi trên tờ giấy hụi viên tên bà với tên gọi khác là Khánh L. Cụ thể, bà tham gia các dây hụi như sau:

+ Ngày 10/01/2023 mở hội 5.000.000 đồng, gồm 19 người chơi. Bà chơi 01 phần hội đóng hết 05 lần, tổng số tiền đóng là 19.700.000 đồng.

+ Ngày 10/01/2023 mở hội 10.000.000 đồng, gồm 13 người chơi. Bà chơi 01 phần hội đóng hết 05 lần, tổng số tiền đóng là 40.800.000 đồng.

Tổng số tiền bà đã đóng là 60.500.000 đồng. Đến ngày 10/06/2023 bà Chi tuyên bố vỡ hội, không còn khả năng trả tiền hội.

Ngày 03/08/2023, bà cũng nộp đơn khởi kiện lên tòa, đến ngày 14/11/2023 tòa đã triệu tập các bên lên để làm việc. Tại đây vợ chồng bà C đã viết bản tự khai thừa nhận có nợ hội của bà số tiền trên và cam kết trả nên bà đã tin tưởng rút đơn khởi kiện. Nhưng cho đến nay vợ chồng bà C vẫn không có thiện chí trả nợ mặc dù bà đã đòi nhiều lần.

Tại đơn khởi kiện ngày 21/5/2024 bà yêu cầu bà C, ông N trả đủ số nợ hội tổng cộng là: 60.500.000 đồng và phải trả thêm khoản lãi phát sinh từ tháng 06/2023 đến khi trả hết nợ gốc, tính theo lãi suất do ngân hàng nhà nước qui định 10%/năm, tạm tính đến tháng 05/2024 (12 tháng).

Tại phiên tòa, nguyên đơn xác định khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị Kim C, ông Trà Văn N phải trả đủ cho bà số tiền nợ hội tổng cộng là: 60.500.000 đồng và phải trả thêm khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 10/06/2023 đến nay với mức lãi suất là 10%/năm.

Các tài liệu chứng cứ mà phía nguyên đơn cung cấp tại Tòa để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình bao gồm: Đơn khởi kiện, Bản tự khai, Căn cước công dân photo của nguyên đơn, Quyết định đình chỉ số 738 ngày 13/12/2023, Giấy hội 5.000.000đ ngày 10/01/2023, Giấy hội 10.000.000đ ngày 10/01/2023, 04 bản photo chuyển tiền, 05 tờ giấy photo tin nhắn, Bản trình bày ý kiến của bà C ngày 14/11/2023 (photo), Bản tự khai của ông N ngày 14/11/2023 (photo).

Bị đơn bà Lê Thị Kim C theo nội dung các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án trình bày: Trong quá trình làm hội bà có thiếu bà Đồng Thị Thủy D số tiền 60.500.000 đồng như bà D trình này là đúng. Bà bị công nhân giựt hội về quê trong lúc làm hội năm 2021. Bà làm chủ hội nên sẽ có trách nhiệm trả lại số tiền này cho bà D. Tuy nhiên do hoàn cảnh gia đình bà hiện đang khó khăn nên bà xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa, bà C đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà D. Bà đồng ý trả cho bà D số tiền nợ hội gốc là 60.500.000 đồng và trả lãi 10%/ năm trên số nợ gốc tính từ ngày 10/06/2023 đến nay. Tuy nhiên, bà yêu cầu được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Các tài liệu chứng cứ mà bà Chi cung cấp tại Tòa để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình bao gồm: Bản tự khai, Photo Căn cước công dân.

Bị đơn ông Trà Văn N theo nội dung các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án trình bày: Ông là chồng của bà C là bị đơn trong vụ tranh chấp hội với bà D. Việc vợ ông chơi hội với bà D ông hoàn toàn không biết. Gần đây ông nhận được văn bản của Tòa và vợ ông có nói với ông nên ông mới biết sự việc. Nay hoàn cảnh gia đình khó khăn, ông mong Tòa án giải quyết cho vợ ông trả tiền theo hoàn cảnh cho phép. Vì lý do sức khỏe, ông xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình tố tụng của Tòa án

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trà Thị Kim H theo nội dung các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án trình bày: Bà là con bà C, bà có nhận chuyển khoản tiền bà D chuyển khoản đóng hụi cho mẹ bà theo các chứng từ bà D cung cấp là đúng. Bà chỉ nhận tiền dùm mẹ bà và không có liên quan gì đối với số tiền này. Bà xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình tố tụng. Các tài liệu chứng cứ mà bà H cung cấp tại Tòa để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình bao gồm: Bản tự khai, Căn cước công dân (photo).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện có cơ sở xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hụi” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn bà Lê Thị Kim C, ông Trà Văn N có nơi cư trú tại xã Thái Mỹ, huyện Củ Chi nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Trà Văn N có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt trong toàn bộ quá trình tố tụng; căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông N.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Đồng Thị Thủy D khởi kiện yêu cầu Lê Thị Kim C, ông Trà Văn N phải trả đủ số tiền nợ hụi tổng cộng là 60.500.000 đồng và phải trả thêm khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 10/06/2023 đến nay với mức lãi suất là 10%/năm. Yêu cầu thi hành trả số tiền trên ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do các bên cung cấp và lời thừa nhận, trình bày của các bên đương sự trong quá trình tố tụng, có cơ sở xác định: Do có mối quan hệ quen biết từ lâu, nên bà Đồng Thị Thủy D có tham gia chơi hụi do bà Lê Thị Kim C làm chủ hụi với các dây hụi như sau:

Dây 1: Ngày 10/01/2023 mở hụi 5.000.000 đồng, gồm 19 người chơi. Bà D chơi 01 phần hụi, đóng hết 05 lần, số tiền đã đóng là 19.700.000 đồng.

Dây 2: Ngày 10/01/2023 mở hụi 10.000.000 đồng, gồm 13 người chơi. Bà D chơi 01 phần hụi, đóng hết 05 lần, số tiền đã đóng là 40.800.000 đồng.

Tổng số tiền bà D đã đóng 02 dây hụi là 60.500.000 đồng. Đến ngày 10/06/2023, bà C tuyên bố vỡ hụi và không còn khả năng trả tiền hụi cho D.

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bà C thừa nhận có nợ bà D số tiền hụi 60.500.000 đồng là đúng. Bà C đồng ý trả số tiền nợ hụi gốc là 60.500.000 đồng này và trả lãi phát sinh từ ngày 10/06/2023 đến nay với mức lãi suất là 10%/năm cho bà D theo yêu cầu nhưng bà C yêu cầu được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Còn phía bà D thì cho rằng bà C, ông N không có thiện chí trả nợ, thiếu tiền hụi từ tháng 6/2023 đến nay, không có thể chấp tài sản gì nhưng cố tình kéo dài không muốn trả nên không đồng ý theo yêu cầu trả dần của bà C.

Tổng cộng số tiền gốc và lãi được tính như sau:

Số tiền gốc 60.500.000 đồng + lãi 60.500.000 đồng x (từ 10/6/2023 đến 19/8/2024 là: 14 tháng + 09 ngày) x 10%/năm = 60.500.000đ + 7.209.583 đồng. Tổng cộng số tiền gốc và lãi là 67.709.583 đồng.

[2.2] Xét thấy, việc ông N cho rằng đây là khoản nợ riêng của vợ ông là không có cơ sở. Vì theo nội dung lời khai ngày 14/11/2023 tại Toà án nhân dân huyện Củ Chi, ông N thừa nhận vợ chồng ông có nợ bà D số tiền hụi trên và đồng ý liên đới chịu trách nhiệm trả nợ cùng vợ. Tuy nhiên, tại bản tự khai ngày 07/6/2024, ông lại xác định việc vợ ông nợ tiền bà D ông hoàn toàn không biết. Đó đó, xét cần buộc bà C, ông N có nghĩa vụ liên đới chịu trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn là có cơ sở.

[2.3] Xét thấy, nguyên đơn không yêu cầu bà H có nghĩa vụ liên đới chịu trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử nghi nhận.

[2.4] Xét thấy, bị đơn nợ nguyên đơn số tiền 60.500.000 đồng từ tháng 6/2023 đến nay, việc bị đơn yêu cầu được trả dần số tiền trên mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn; Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu trả dần của bị đơn.

[2.5] Từ những phân tích trên, căn cứ vào các Điều 280, 357, 468, 471 của Bộ luật Dân sự 2015; Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận, cần buộc bà C, ông N có trách nhiệm trả cho bà D số tiền tổng cộng 67.709.583 đồng là phù hợp.

[3] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn có nghĩa vụ phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ các Điều 280, 357, 468, 471 của Bộ luật Dân sự 2015;
- Căn cứ Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.
- Căn cứ vào các Điều 6, 7a, 7b, 26, 30, 31 và 32 của Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đồng Thị Thủy D về việc yêu cầu bà Lê Thị Kim C, ông Trà Văn N trả số tiền nợ hụi tổng là 67.709.583đ (sáu mươi bảy triệu bảy trăm lẻ chín nghìn năm trăm tám mươi ba đồng).

Buộc bà Lê Thị Kim C, ông Trà Văn N có trách nhiệm trả cho bà Đồng Thị Thủy D số tiền tổng cộng là 67.709.583đ (sáu mươi bảy triệu bảy trăm lẻ chín nghìn năm trăm tám mươi ba đồng). Bao gồm tiền nợ hụi gốc là 60.500.000đ (sáu mươi triệu năm trăm nghìn đồng) và tiền lãi phát sinh 10%/năm tính từ ngày 10/6/2023 đến nay là 7.209.583đ (bảy triệu hai trăm lẻ chín nghìn năm trăm tám mươi ba đồng). Thi hành ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bà C, ông N có trách nhiệm trả lãi cho bà D, với mức lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền được xác định theo sự thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả, kể từ ngày bà D có đơn yêu cầu thi hành án.

Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm là 3.385.479đ (ba triệu ba trăm tám mươi lăm nghìn bốn trăm bảy mươi chín đồng) buộc bà Lê Thị Kim C và ông Trà Văn N phải nộp.

Hoàn tạm nộp án phí dân sự sơ thẩm cho bà Đồng Thị Thuý D số tiền 1.663.750đ (một triệu sáu trăm sáu mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng) theo biên lai thu số 0015437 ngày 06/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi.

3. Nguyên đơn, bị đơn là bà C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện Củ Chi;
- CCTHADS huyện Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thị Xuân Lan